



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Thời gian ký: 24/10/2025
16:59:05

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1835/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Các sở, ban, ngành

a) Căn cứ Danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) chuẩn hóa quy trình, rà soát thành phần hồ sơ số hóa theo quy định; chủ động cập nhật, điều chỉnh, bổ sung khi các thủ tục hành chính có thay đổi (kết hợp trong quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính); chủ trì phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tham mưu chia sẻ dữ liệu, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia đối các dịch vụ công được cập nhật, theo dõi trên hệ thống do các Bộ ngành triển khai.

b) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức ứng dụng, thực hiện có hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp và các đơn vị thuộc cấp quản lý về việc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ Công quốc gia; đồng thời, đề ra các giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện hồ sơ trực tuyến.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị cho thuê cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin bảo đảm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; hoàn thiện quy trình điện tử để giải quyết hồ sơ trực tuyến thống nhất, phù hợp, thông suốt và hiệu quả; tích hợp, cung cấp và điều chỉnh các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hằng năm rà soát, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Danh mục tại Điều 1 Quyết định này phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật.

3. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm căn cứ Danh mục được phê duyệt tại Quyết định này triển khai vận hành các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền bảo đảm chỉ tiêu được Chính phủ giao hàng năm.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Báo và Phát thanh, truyền hình và các đơn vị liên quan tuyên truyền về sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022, Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Phúc



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN,
TÍCH HỢP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
A	Cấp tỉnh				
I	Ban quản lý các KCN				
1	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
2	1.009756	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
3	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
4	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
5	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
6	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
7	2.002726	Thủ tục điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
8	1.009770	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
9	1.009772	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
10	1.009775	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
11	1.009776	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
12	1.009777	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
13	1.009771	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
14	1.009774	Thủ tục cấp lại hoặc hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
15	1.009773	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (BQL)	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
16	1.009748	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý quy định tại khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
17	1.009760	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
18	1.009759	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
19	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
20	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
21	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
22	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
22	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
23	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
24	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
25	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
26	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
27	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
28	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
29	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
30	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
31	2.002732	Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	Một phần	
32	2.002729	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	Một phần	
33	2.002731	Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	Một phần	
34	2.002728	Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế (Bộ Tài chính)	Một phần	
35	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
36	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
37	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
38	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
39	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
II	Lĩnh vực Công Thương				
1	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
2	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Toàn trình	
3	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Toàn trình	
4	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Toàn trình	
5	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động (Bộ Công thương)	Toàn trình	
6	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	An toàn vệ sinh lao động (Bộ Công thương)	Toàn trình	
7	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
8	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công thương)	Toàn trình	
9	2.000046	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công thương)	Toàn trình	
10	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
11	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
12	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
13	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
14	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
15	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
16	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Điện (Bộ Công thương)	Toàn trình	
17	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Toàn trình	
18	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Toàn trình	
19	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện (Bộ Công thương)	Toàn trình	
20	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
21	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Giám định thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
22	1.003724	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
23	1.003775	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
24	1.003820	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
25	1.004031	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
26	2.000257	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
27	2.000431	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
28	2.001585	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
29	2.001722	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Toàn trình	
30	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
31	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
32	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
33	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
34	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
35	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
36	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
37	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
38	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
39	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
40	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
41	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
42	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
43	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
44	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
45	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
46	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
47	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
48	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
49	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
50	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Toàn trình	
51	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Toàn trình	
52	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Toàn trình	
53	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Toàn trình	
54	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Toàn trình	
55	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Thương mại điện tử (Bộ Công thương)	Toàn trình	
56	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử (Bộ Công thương)	Toàn trình	
57	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Thương mại điện tử (Bộ Công thương)	Toàn trình	
58	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Toàn trình	
59	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
60	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
61	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
62	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
63	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
64	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
65	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
66	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
67	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
68	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
69	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
70	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Công thương)	Toàn trình	
71	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Toàn trình	
72	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
73	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
74	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
75	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
76	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
77	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
78	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
79	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
80	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
81	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
82	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
83	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
84	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
85	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
86	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
87	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
88	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
89	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
90	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
91	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
92	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
93	1.001104	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
94	1.001238	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
95	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
96	1.001370	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
97	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
98	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
99	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
100	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
101	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
102	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
103	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
104	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
105	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
106	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
107	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
108	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
109	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
110	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
111	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
112	2.000303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
113	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
114	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Toàn trình	
115	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
116	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
117	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
118	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
119	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
120	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
121	2.000133	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
122	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Toàn trình	
123	1.013398	Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
124	1.013399	Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
125	1.013400	Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
126	2.001292	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
127	2.001300	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
128	2.001313	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
129	2.001322	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
130	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
131	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
132	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
133	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
134	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
135	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	An toàn thực phẩm (Bộ Công thương)	Một phần	
136	1.013989	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công thương)	Một phần	
137	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	chất lượng sản phẩm hàng hóa (Bộ Công thương)	Một phần	
138	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Công nghiệp địa phương (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
139	1.001158	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp nặng (Bộ Công thương)	Một phần	
140	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
141	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
142	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
143	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
144	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
145	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	Công nghiệp tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
146	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm Công nghiệp (Bộ Công thương)	Một phần	
147	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Dầu khí (Bộ Công thương)	Một phần	
148	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Một phần	
149	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Một phần	
150	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Một phần	
151	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Một phần	
152	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
153	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực (Bộ Công thương)	Một phần	
154	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực (Bộ Công thương)	Một phần	
155	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực (Bộ Công thương)	Một phần	
156	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực (Bộ Công thương)	Một phần	
157	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Điện lực (Bộ Công thương)	Một phần	
158	1.002758	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
159	1.011506	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
160	1.011507	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
161	1.011508	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
162	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
163	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
164	1.012431	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
165	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
166	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3.	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
167	1.012434	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
168	1.012438	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
169	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
170	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
171	1.012441	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
172	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
173	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
174	2.000652	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
175	2.001161	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
176	2.001172	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
177	2.001175	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
178	2.001547	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Hóa chất (Bộ Công thương)	Một phần	
179	1.013652	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoáng sản (Bộ Công thương)	Một phần	
180	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản (Bộ Công thương)	Một phần	
181	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản (Bộ Công thương)	Một phần	
182	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Khoáng sản (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
183	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
184	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
185	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
186	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
187	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
188	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
189	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
190	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
191	1.000649	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
192	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
193	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
194	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
195	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
196	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
197	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
198	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
199	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
200	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
201	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
202	2.000146	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
203	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
204	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
205	2.000166	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
206	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
207	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
208	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
209	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
210	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
211	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
212	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
213	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
214	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
215	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
216	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
217	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
218	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
219	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
220	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
221	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
222	1.003992	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
223	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
224	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
225	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
226	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
227	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
228	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
229	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
230	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
231	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
232	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
233	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Một phần	
234	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	Nghề thủ công mỹ nghệ (Bộ Công thương)	Một phần	
235	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Một phần	
236	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	Quản lý bán hàng đa cấp (Bộ Công thương)	Một phần	
237	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
238	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	c
239	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công thương)	Một phần	
240	2.001272	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	Thương mại biên giới và miền núi (Bộ Công thương)	Một phần	
241	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
242	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
243	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
244	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
245	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
246	2.000063	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
247	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
248	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
249	2.000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
250	2.000314	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
251	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
252	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
253	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
254	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
255	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
256	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
257	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
258	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
259	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
260	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
261	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
262	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
263	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
264	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
265	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Thương mại quốc tế (Bộ Công thương)	Một phần	
266	1.000965	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
267	1.000998	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
268	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
269	2.000172	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
270	2.000210	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
271	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
272	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
273	2.001433	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
274	2.001434	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Bộ Công thương)	Một phần	
275	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
276	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cả phê xuất khẩu)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
277	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
278	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
279	1.002939	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
280	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
281	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
282	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
283	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
284	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
285	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
286	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
287	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
288	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
289	2.001264	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương)	Một phần	
290	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Một phần	
291	2.002605	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Một phần	
292	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Một phần	
293	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Một phần	
294	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	Xúc tiến thương mại (Bộ Công thương)	Một phần	
III Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo					
1	1.012616	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
2	1.012628	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
3	1.012629	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
4	1.012664	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
5	1.012641	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
6	1.012660	Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
7	1.012672	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
8	1.012605	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
9	1.012655	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
10	1.012645	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
11	1.012606	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
12	1.012607	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Toàn trình	
13	1.012632	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
14	1.012639	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
15	1.012637	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
16	1.012646	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
17	1.012648	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
18	1.012653	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
19	1.012656	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
20	1.012657	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
21	1.012658	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
22	1.012659	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
23	1.012661	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại việt nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
24	1.014339	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
IV	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
1	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
2	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
3	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
4	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
5	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
6	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
7	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
8	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
9	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
10	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
11	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
12	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
13	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
14	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
15	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
16	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
17	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
18	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
19	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
20	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
21	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
22	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
23	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
24	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
25	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
26	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
27	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
28	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
29	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
30	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
31	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
32	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
33	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
34	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
35	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
36	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
37	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
38	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
39	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
40	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
41	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
42	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
43	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
44	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
45	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
46	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
47	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
48	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
49	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
50	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
51	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
52	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
53	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
54	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
55	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
56	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
57	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
58	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
59	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
60	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
61	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
62	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
63	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
64	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực.	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
65	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
66	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
67	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
68	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
69	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
70	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
71	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
72	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
73	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
74	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
75	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
76	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
77	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
78	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
79	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
80	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
81	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
82	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
83	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
84	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
85	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
86	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
87	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
88	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
89	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
90	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
91	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
92	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
93	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
94	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
95	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
96	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
97	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
98	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
99	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
100	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
101	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
102	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
103	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
104	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
105	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
106	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
107	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
108	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
109	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
110	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
111	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
112	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
113	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
114	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
115	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
116	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
117	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
118	3.000466	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
V	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ				
1	2.002379	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
2	2.002385	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
3	1.003633	Cấp lại giấy phép buru chính khi hết hạn (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
4	1.003659	Cấp giấy phép buru chính (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
5	1.003687	Sửa đổi, bổ sung giấy phép buru chính (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
6	1.004379	Cấp lại giấy phép buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
7	1.004470	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
8	1.005442	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
9	1.010902	Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động buru chính (cấp tỉnh)	Buru chính (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
10	1.006427	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
11	1.011812	(cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
12	1.011814	(cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
13	1.011815	(cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
14	1.011816	(cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
15	1.013918	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
16	1.013927	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
17	1.013931	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
18	1.013933	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
19	1.013936	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
20	1.013939	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
21	1.013940	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
22	1.013943	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
23	2.001143	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
24	2.001179	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
25	2.001525	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
26	2.002248	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
27	2.002249	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
28	2.002278	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cấp tỉnh)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
29	2.002544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
30	2.002546	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
31	2.002548	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
32	1.011939	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
33	2.002775	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
34	2.002776	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
35	2.002777	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
36	2.002778	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
37	2.002779	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
38	2.002780	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
39	2.002781	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
40	2.002782	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
41	2.002783	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
42	2.002784	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
43	2.002785	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
44	2.002786	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
45	2.002787	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
46	2.002788	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
47	2.002789	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
48	2.002790	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
49	2.002792	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
50	2.002793	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
51	1.000449	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
52	1.001392	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
53	2.000212	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
54	2.001207	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
55	2.001209	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
56	2.001259	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
57	2.001277	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
58	2.001501	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
59	2.002253	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
60	3.000451	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
61	3.000453	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
62	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
63	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
64	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
65	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
66	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
67	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
68	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
69	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
70	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
71	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
72	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
73	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
74	3.000474	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
75	3.000481	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
76	3.000482	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
77	3.000485	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
78	3.000486	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
79	3.000487	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
80	1.013819	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
81	1.013877	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
82	1.013885	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
83	1.013888	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
84	1.013897	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
85	1.013899	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
86	1.013900	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
87	1.013901	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
88	1.013902	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
89	1.013903	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
90	1.013904	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
91	1.013905	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
92	1.013906	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
93	1.013907	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
94	1.013908	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
95	1.013909	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
96	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
97	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
98	1.013912	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
99	1.013913	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
100	1.013914	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
101	1.013915	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
102	1.013917	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	
103	1.013976	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	Viễn thông và Internet (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
104	1.013948	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
105	1.013951	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
106	1.013971	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
107	1.014204	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
108	1.014205	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
109	1.014206	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiều xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
110	1.014207	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
111	2.002380	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
112	2.002381	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
113	2.002382	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
114	2.002383	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
115	2.002384	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
116	1.014393	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
117	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
118	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
119	1.014394	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
120	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
121	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
122	1.014391	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
123	1.002690	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
124	1.012353	Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
125	1.013944	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
126	1.013957	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
127	1.013960	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
128	1.013961	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
129	1.013964	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
130	1.013969	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
131	2.000079	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
132	2.001137	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
133	2.001643	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
134	2.002144	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
135	2.002502	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
136	2.002709	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
137	2.002710	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
138	2.002711	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
139	2.002722	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
140	2.002723	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
141	2.002724	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
142	2.002794	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
143	2.002795	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Hoạt động khoa học và công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
144	1.006221	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
145	1.006222	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
146	1.011937	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
147	1.011938	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
148	1.013916	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
149	1.013919	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
150	1.013922	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
151	1.013924	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
152	1.013925	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
153	1.013928	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
154	1.013942	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
155	1.013954	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
156	1.013955	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
157	1.013956	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
158	1.013958	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
159	1.013959	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
160	1.013963	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
161	1.013966	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
162	1.013968	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
163	1.013970	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
164	1.013972	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
165	1.013973	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
166	1.013974	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
167	1.013935	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
168	2.002791	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Tần số vô tuyến điện (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
169	2.001100	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
170	2.001208	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tỉnh)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
171	2.001269	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
172	3.000450	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
173	3.000452	Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
174	3.000463	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
175	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
176	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
177	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
178	3.000475	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
179	3.000476	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
180	3.000477	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
181	3.000478	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
182	3.000479	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
183	3.000480	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
184	3.000483	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
185	3.000484	Thủ tục đăng ký cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
186	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ)	Một phần	
VI Lĩnh vực Ngoại vụ					
1	2.002313	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Toàn trình	
2	2.002314	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Toàn trình	
3	1.001308	Thủ tục chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan ở trong nước	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự (Bộ Ngoại giao)	Một phần	
4	2.002311	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Một phần	
5	2.002312	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	Một phần	
VII Lĩnh vực Nội vụ					
1	1.005449	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
2	1.005450	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
3	2.000111	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
4	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
5	1.003999	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
6	2.001683	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
7	2.001717	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	Công tác thanh niên (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
8	1.000414	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
9	1.000436	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
10	1.000448	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
11	1.000464	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
12	1.000479	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
13	1.009466	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
14	1.009467	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	Lao động (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
15	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
16	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
17	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
18	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
19	1.010785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
20	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
21	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
22	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
23	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
24	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
25	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
26	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
27	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
28	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
29	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
30	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
31	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
32	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
33	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
34	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
35	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
36	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
37	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
38	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
39	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
40	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
41	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
42	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
43	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
44	1.013727	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên.	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
45	1.013728	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
46	1.013729	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài.	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
47	1.013731	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài .	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
48	1.013733	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
49	1.012927	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
50	1.012929	Thủ tục thành lập hội (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
51	1.012942	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
52	1.012943	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
53	1.012945	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp tỉnh)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
54	1.012946	Thủ tục hội tự giải thể (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
55	1.012947	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
56	1.012948	Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (cấp tỉnh).	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
57	1.013017	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
58	1.013018	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
59	1.013019	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
60	1.013020	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
61	1.013021	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
62	1.013022	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
63	1.013023	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
64	1.001823	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
65	1.001853	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
66	1.001865	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
67	1.009873	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
68	1.009874	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
69	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
70	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
71	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
72	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
73	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
74	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
75	1.013337	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
76	1.013723	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
77	2.002340	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
78	2.002341	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
79	2.002342	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp một lần hoặc hằng tháng; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hằng tháng	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
80	2.002343	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
81	1.014352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
82	1.014319	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	Lao động (Bộ Nội vụ)	Một phần	
83	1.014359	Tên thủ tục hành chính “Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế”	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
84	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
85	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
86	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
87	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
88	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
89	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
90	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
91	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
92	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
93	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
94	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
95	1.013743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
96	1.013746	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
97	1.013747	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
98	1.013748	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
99	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
100	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
101	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
102	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
103	1.005219	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
104	1.013730	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
105	1.013732	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
106	2.002105	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
107	1.014149	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Một phần	
108	1.014150	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Một phần	
109	1.013932	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
110	1.013934	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
111	1.013937	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt.	Văn thư và Lưu trữ nhà nước (Bộ Nội vụ)	Một phần	
112	1.000362	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
113	1.000401	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
114	1.001881	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
115	1.001966	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
116	1.001973	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
117	1.001978	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
118	1.011546	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
119	1.011547	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
120	2.000148	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
121	2.000178	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
122	2.000839	Giải quyết hỗ trợ học nghề	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
123	2.000888	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
124	2.001953	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
125	1.014111	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
126	1.012299	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
127	1.012301	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
128	1.012300	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
129	1.014116	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
130	1.014113	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
VIII	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường				
1	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
2	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
3	1.004150	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
4	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
5	1.008672	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
6	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
7	1.008682	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
8	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
9	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
10	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
11	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
12	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
13	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
14	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
15	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
16	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
17	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
18	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
19	1.012786	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
20	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
21	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
22	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
23	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
24	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
25	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
26	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
27	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh)	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
28	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
29	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	Khoa học và Công nghệ (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
30	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Khoa học và Công nghệ (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
31	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
32	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
33	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
34	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
35	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
36	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
37	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
38	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
39	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
40	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
41	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp tỉnh) (1.010728)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
42	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp tỉnh) (1.010729)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
43	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
44	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
45	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
46	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
47	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
48	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
49	1.000025	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	Quản lý doanh nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
50	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
51	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
52	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
53	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
54	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
55	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
56	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
57	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
58	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
59	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
60	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
61	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
62	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
63	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
64	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
65	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
66	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
67	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
68	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
69	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
70	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
71	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
72	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
73	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
74	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
75	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
76	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
77	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
78	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
79	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
80	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
81	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
82	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
83	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
84	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
85	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
86	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
87	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
88	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
89	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
90	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
91	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
92	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
93	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
94	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
95	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
96	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
97	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
98	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
99	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
100	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
101	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
102	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
103	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
104	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
105	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
106	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
107	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
108	1.004237	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	Tổng hợp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
109	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
110	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
111	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
112	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
113	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
114	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
115	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
116	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
117	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
118	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
119	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Một phần	
120	2.002169	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Một phần	
121	1.014021	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng nhận	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
122	1.014022	Quy trình thực hiện thả lại loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nuôi sinh sản tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
123	1.000705	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
124	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
125	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
126	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
127	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
128	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
129	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
130	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
131	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
132	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
133	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
134	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
135	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
136	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
137	3.000438	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
138	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
139	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
140	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
141	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
142	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
143	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
144	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
145	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
146	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	Một phần	
147	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	Một phần	
148	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	Một phần	
149	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
150	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm (Bộ Tư pháp)	Một phần	
151	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
157	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
158	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
159	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
160	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
161	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
162	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
163	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
164	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
165	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
166	1.012805	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
167	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
168	1.013823	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
169	1.013825	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
170	1.013826	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
171	1.013827	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
172	1.013828	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
173	1.013831	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
174	1.013833	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
175	1.013945	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
176	1.013946	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
177	1.013947	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
178	1.013977	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
179	1.013980	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
180	1.013988	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
181	1.013992	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
182	1.013993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
183	1.013994	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
184	1.013995	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
185	2.002750	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
186	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
187	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
188	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
189	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
190	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
191	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
192	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
193	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
194	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
195	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
196	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
197	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
198	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
199	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
200	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
201	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
202	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
203	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
204	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
205	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
206	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
207	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
208	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
209	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
210	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
211	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
212	1.014287	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
213	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
214	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
215	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
216	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
217	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
218	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
219	1.013863	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
220	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng, thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
221	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
222	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
223	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
224	3.000496	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
225	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
226	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
227	1.003695	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
228	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
229	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
230	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
231	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
232	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
233	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
234	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
235	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
236	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
237	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
238	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
239	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
240	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
241	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
242	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
243	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (cấp tỉnh) (1.010727)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
244	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp tỉnh) (1.010730)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
245	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh) (1.010733)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
246	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
247	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
248	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
249	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
250	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
251	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
252	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
253	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
254	1.011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
255	3.000324	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
256	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
257	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
258	3.000328	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
259	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
260	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
261	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
262	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
263	1.008603	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Một phần	
264	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	Một phần	
265	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Một phần	
266	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Một phần	
267	1.012996	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	Một phần	
268	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
269	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
270	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
271	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
272	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
273	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
274	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
275	1.013799	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
276	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
277	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
278	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
279	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
280	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
281	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
282	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
283	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
284	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
285	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
286	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
287	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
288	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
289	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
290	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
291	1.013811	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
292	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
293	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
294	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
295	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
296	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
297	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
298	1.004669	Tên thủ tục: Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
299	1.004678	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
300	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
301	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
302	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
303	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
304	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
305	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
306	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
307	1.007994	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
308	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
309	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng).	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
310	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
311	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
312	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
313	1.012062	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
314	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
315	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
316	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
317	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
318	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
319	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
320	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
321	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
322	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
323	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
324	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
325	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
326	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
327	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
328	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
329	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
330	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
331	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
332	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
333	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
IX	Lĩnh vực Tài chính				
1	2.002665	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
2	2.002666	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
3	2.002667	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi	Chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
4	1.012507	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
5	1.012508	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
6	1.012509	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
7	1.012510	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
8	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
9	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
10	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
11	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
12	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
13	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
14	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
15	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
16	2.002004	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
17	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
18	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
19	1.005169	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
20	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
21	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
22	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
23	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
24	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
25	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
26	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
27	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
28	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
29	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
30	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
31	2.002008	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
32	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
33	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
34	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
35	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
36	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
37	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
38	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
39	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
40	2.002023	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
41	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
42	2.002031	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
43	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
44	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
45	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
46	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
47	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
48	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
49	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
50	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
51	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
52	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
53	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
54	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
55	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
56	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
57	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
58	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
59	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
60	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
61	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
62	2.002603	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Bộ Tài chính)	Một phần	
63	2.002058	Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh)	Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (Bộ Tài chính)	Một phần	
64	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý.	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
65	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
66	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
67	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
68	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
69	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
70	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
71	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài của Sở Tài chính hoặc Ban Quản lý	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
72	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
73	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam (Bộ Tài chính)	Một phần	
74	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Bộ Tài chính)	Một phần	
75	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Bộ Tài chính)	Một phần	
76	2.000746	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tài chính)	Một phần	
77	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Bộ Tài chính)	Một phần	
78	1.014316	Hỗ trợ chi phí	Hỗ trợ đầu tư (Bộ Tài chính)	Một phần	
79	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	Một phần	
80	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
81	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
82	1.012735	Hiệp thương giá	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	Một phần	
83	1.012744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
84	3.000433	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
85	1.001254	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Một phần	
86	1.007623	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Một phần	
87	3.000214	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp tỉnh)	Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	Một phần	
88	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ (Bộ Tài chính)	Một phần	
89	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ (Bộ Tài chính)	Một phần	
90	2.001021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ (Bộ Tài chính)	Một phần	
91	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ (Bộ Tài chính)	Một phần	
92	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ (Bộ Tài chính)	Một phần	
X	Lĩnh vực Thanh tra				
1	2.002407	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
2	2.002411	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
3	2.002400	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
4	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
5	2.002402	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
6	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
7	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
8	2.002394	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	Không cung cấp	
9	1.010943	Thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	Không cung cấp	
XI	Lĩnh vực Tư pháp				
1	1.013803	Bổ nhiệm công chứng viên	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
2	1.013804	Bổ nhiệm lại công chứng viên	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
3	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
4	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
5	1.013807	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
6	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
7	1.013810	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
8	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
9	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
10	1.013818	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
11	1.013832	Thu hồi Thẻ công chứng viên	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
12	1.013834	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
13	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
14	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
15	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
16	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
17	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
18	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
19	1.013856	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
20	3.000444	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
21	1.013634	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
22	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
23	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
24	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
25	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
26	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
27	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
28	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
29	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
30	3.000024	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
31	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
32	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
33	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
34	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
35	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
36	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
37	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
38	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
39	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
40	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
41	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
42	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
43	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
44	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
45	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
46	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
47	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
48	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
49	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
50	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
51	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
52	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
53	1.008614	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
54	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
55	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
56	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
57	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
58	1.001633	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
59	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
60	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
61	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
62	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
63	1.008922	Bổ nhiệm Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
64	1.008923	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
65	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
66	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
67	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
68	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
69	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
70	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
71	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
72	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
73	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
74	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
75	1.001233	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
76	2.000518	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
77	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
78	2.000596	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
79	2.000840	Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
80	2.000954	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
81	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
82	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
83	2.001687	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
84	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
85	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
86	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
87	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
88	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
89	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
90	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
91	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
92	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
93	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
94	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
95	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
96	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Một phần	
97	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Một phần	
98	2.002193	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Một phần	
99	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
100	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
101	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
102	1.013830	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
103	1.013835	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
104	1.013836	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
105	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
106	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
107	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
108	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
109	1.013859	Cấp thẻ công chứng viên	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
110	2.000975	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch không phải viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	
111	2.000988	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Công chứng (Bộ Tư pháp)	Một phần	
112	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
113	1.003915	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
114	1.013635	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	
115	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
116	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
117	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản (Bộ Tư pháp)	Một phần	
118	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
119	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
120	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
121	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
122	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
123	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
124	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp (Bộ Tư pháp)	Một phần	
125	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
126	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
127	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
128	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
129	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
130	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
131	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
132	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
133	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
134	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Một phần	
135	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Một phần	
136	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Một phần	
137	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
138	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
139	2.001130	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	Quản tài viên (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
140	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
141	2.001895	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
142	2.002036	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
143	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
144	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
145	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
146	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
147	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
148	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
149	2.000592	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
150	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
151	2.001680	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
152	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
153	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
154	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
155	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
156	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại (Bộ Tư pháp)	Một phần	
157	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
158	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật (Bộ Tư pháp)	Một phần	Sở đề xuất cung cấp Một phần
XII Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch					
1	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
2	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
3	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
4	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
5	1.013783	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
6	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
7	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
8	1.013786	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
9	1.013787	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
10	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
11	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
12	1.013790	Thủ tục tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
13	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
14	1.001123	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
15	1.001822	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
16	1.002003	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
17	1.003738	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
18	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
19	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
20	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
21	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
22	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
23	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
24	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
25	2.001591	Thủ tục cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
26	2.001613	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
27	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
28	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
29	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Điện ảnh (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
30	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
31	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
32	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
33	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
34	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
35	1.003275	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng* hoặc bị tiêu hủy	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
36	1.003717	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
37	1.003742	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
38	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
39	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
40	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
41	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
42	2.001589	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
43	2.001611	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
44	2.001616	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
45	2.001622	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
46	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
47	1.012080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
48	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
49	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
50	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tính	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
51	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
52	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
53	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
54	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
55	1.001182	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
56	1.001191	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
57	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
58	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
59	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
60	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
61	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
62	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
63	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
64	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
65	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
66	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
67	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
68	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
69	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
70	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
71	1.001976	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
72	1.001988	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
73	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
74	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất cung cấp toàn trình
75	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
76	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
77	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
78	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
79	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
80	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất cung cấp toàn trình
81	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
82	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
83	2.002740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
84	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
85	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
86	2.002774	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
87	1.004639	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
88	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
89	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
90	1.004662	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
91	1.004666	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
92	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
93	1.000501	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
94	1.000518	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
95	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
96	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
97	1.000594	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
98	1.000644	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
99	1.000814	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
100	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
101	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
102	1.000847	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
103	1.000863	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
104	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
105	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
106	1.000920	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
107	1.000936	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
108	1.000953	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
109	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
110	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
111	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
112	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
113	1.001500	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
114	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
115	1.001527	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
116	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
117	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
118	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
119	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
120	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
121	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
122	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
123	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
124	1.005163	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
125	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
126	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
127	1.000564	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
128	1.000871	Thủ tục xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
129	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
130	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
131	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
132	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua – Khen thưởng (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở đề xuất không cung cấp
133	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
134	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
135	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
136	1.003114	Thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
137	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
138	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
139	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
140	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
141	1.004153	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
142	1.008201	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
143	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
144	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
145	1.013700	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
146	1.013701	Thủ tục điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
147	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
148	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
149	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
150	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
151	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
152	2.001744	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
153	2.001171	Cho phép hợp báo trong nước (địa phương)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
154	2.001173	Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương)	Báo chí (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
155	1.003646	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
156	1.003835	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
157	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
158	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
159	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
160	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
161	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
162	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
163	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
164	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
165	1.014190	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
166	1.014191	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
167	1.014192	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
168	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
169	1.000922	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
170	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
171	1.001008	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
172	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
173	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
XIII Lĩnh vực Xây dựng					
1	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
2	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
3	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
4	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
5	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
6	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
7	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
8	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
9	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
10	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
11	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
12	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
13	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
14	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
15	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
16	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
17	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
18	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
19	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
20	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
21	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
22	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
23	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
24	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
25	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
26	1.005024	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
27	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
28	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
29	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
30	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
31	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
32	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
33	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
34	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
35	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
36	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
37	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
38	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
39	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
40	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
41	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
42	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
43	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
44	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
45	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
46	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
47	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
48	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
49	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
50	1.004058	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
51	1.004066	Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
52	1.004067	Công bố thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
53	1.004106	Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyển tải chuyên dùng được công bố định kỳ	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
54	1.004110	Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
55	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
56	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
57	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
58	1.004291	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
59	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
60	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
61	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
62	1.009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
63	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
64	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
65	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
66	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
67	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
68	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
69	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
70	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
71	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
72	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
73	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
74	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
75	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
76	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
77	1.008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc).	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
78	1.008990	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
79	1.008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
80	1.008992	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
81	1.008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
82	1.011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
83	1.011710	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
84	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
85	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
86	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
87	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
88	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
89	1.013205	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
90	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
91	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
92	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
93	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
94	1.013101	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
95	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
96	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
97	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	Một phần	
98	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
99	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
100	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
101	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
102	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
103	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
104	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
105	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
106	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
107	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
108	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
109	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
110	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
111	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
112	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Một phần	
113	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	Một phần	
114	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp (Bộ Xây dựng)	Một phần	
115	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Giám định tư pháp (Bộ Xây dựng)	Một phần	
116	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	Một phần	
117	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
118	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
119	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
120	1.001870	Đổi tên cảng cạn	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
121	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
122	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
123	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
124	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
125	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
126	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
127	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
128	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
129	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
130	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
131	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
132	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
133	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
134	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
135	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
136	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
137	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
138	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
139	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
140	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
141	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
142	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
143	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
144	2.001998	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
145	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
146	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
147	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
148	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
149	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
150	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
151	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
152	1.013218	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
153	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
154	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
155	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
156	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
157	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
158	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
159	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
160	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
161	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyển/theo tuyển trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
162	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
163	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
164	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
165	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
166	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
167	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
168	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
169	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
170	1.012904	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
171	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
172	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
173	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
174	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
175	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Kinh doanh bất động sản (Bộ Xây dựng)	Một phần	
176	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
177	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
178	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
179	1.012884	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
180	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
181	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
182	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
183	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
184	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
185	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
186	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
187	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
188	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
189	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
190	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
191	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
192	1.013769	chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
193	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
194	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
195	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
196	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
197	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
198	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
199	3.000291	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	Một phần	
200	3.000424	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
201	3.000425	Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
202	3.000426	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
203	3.000428	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
204	3.000429	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
205	3.000430	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị về địa phương quản lý, xử lý	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
206	3.000431	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
207	3.000432	Xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
208	3.000434	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	Một phần	
209	1.008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
210	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
211	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
212	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
213	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
214	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
215	1.011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
216	1.011711	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
217	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Thuế (Bộ Tài chính)	Một phần	
218	3.000252	Thủ tục xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	Thuế (Bộ Tài chính)	Một phần	
219	3.000253	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Thuế (Bộ Tài chính)	Một phần	
220	3.000254	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	Thuế (Bộ Tài chính)	Một phần	
221	3.000255	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	Thuế (Bộ Tài chính)	Một phần	
222	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
XIV Lĩnh vực Y tế					
1	1.001396	Cung cấp thuốc phóng xạ	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
2	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
3	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
4	1.000990	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
5	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
6	1.002483	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
7	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
8	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
9	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Toàn trình	
10	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
11	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
12	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
13	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
14	1.002564	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
15	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
16	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
17	1.004070	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Toàn trình	
18	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Toàn trình	
19	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Toàn trình	
20	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Toàn trình	
21	1.004944	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
22	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
23	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
24	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
25	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
26	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
27	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
28	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
29	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
30	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
31	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
32	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
33	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
34	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
35	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
36	2.001191	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
37	1.014138	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
38	1.014139	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
39	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
40	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
41	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
42	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
43	1.013814	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
44	1.013815	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
45	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
46	1.013820	Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
47	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
48	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
49	2.000477	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
50	1.008681	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Một phần	
51	1.008685	Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Một phần	
52	1.013845	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Một phần	
53	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Bộ Y tế)	Một phần	
54	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	Đào tạo và Nghiên cứu khoa học (Bộ Y tế)	Một phần	
55	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
56	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
57	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
58	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
59	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
60	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
61	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
62	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
63	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
64	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
65	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
66	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
67	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
68	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	Dược phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
69	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
70	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
71	1.011963	Hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
72	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
73	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
74	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
75	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
76	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
77	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
78	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
79	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
80	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
81	1.012275	Đăng ký hành nghề	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
82	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
83	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
84	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
85	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
86	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
87	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
88	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
89	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
90	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
91	1.014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
92	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
93	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
94	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
95	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Mỹ phẩm (Bộ Y tế)	Một phần	
96	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
97	1.002204	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
98	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
99	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
100	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
101	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
102	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
103	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
104	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
105	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
106	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
107	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
108	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
109	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
110	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
111	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
112	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
113	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
114	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
115	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
116	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
117	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
118	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
119	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
120	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
121	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
122	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
123	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
124	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
125	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
126	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
127	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
128	1.013894	Cấp lại Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với thuốc lá	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
129	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
130	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá.	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
131	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) .	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
132	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
133	2.000972	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
134	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
135	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	Một phần	
136	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
137	1.010935	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện.	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
138	1.010936	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
139	1.010937	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
140	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
141	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
142	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
143	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
144	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
145	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
146	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	Một phần	
147	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
148	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
149	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Thiết bị y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
150	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	Tổ chức cán bộ (Bộ Y tế)	Một phần	
151	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	Tổ chức cán bộ (Bộ Y tế)	Một phần	
152	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
153	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
154	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
155	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
156	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
157	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	Một phần	
XV	Lĩnh vực khác				
1	3.000333	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài	Lý lịch tư pháp (Bộ Công an)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
5	3.000334	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	Lý lịch tư pháp (Bộ Công an)	Một phần	
3	3.000335	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	Lý lịch tư pháp (Bộ Công an)	Một phần	
4	3.000242	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	Quản lý xuất nhập cảnh (Bộ Công an)	Một phần	
5	1.013126	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
6	1.013127	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000m ³ , các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
B	CẤP XÃ				
I	Lĩnh vực Công Thương				
1	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
2	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
3	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
4	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
5	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
6	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
7	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
8	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
9	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công thương)	Toàn trình	
10	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
11	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công thương)	Một phần	
12	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công thương)	Một phần	
13	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công thương)	Một phần	
14	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
15	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
16	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh khí (Bộ Công thương)	Một phần	
17	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công thương)	Một phần	
18	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công thương)	Một phần	
II	Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo				
1	1.012222	Công nhận người có uy tín	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
2	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
3	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
4	1.012592	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
5	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
6	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
7	1.013798	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
8	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
9	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
10	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
11	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	Một phần	
III	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo				
1	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
2	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
3	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
4	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
5	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
6	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
7	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
8	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
9	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
10	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
11	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
12	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
13	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
14	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Toàn trình	
15	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
16	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
17	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
18	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
19	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
20	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
21	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
22	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
23	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
24	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
25	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
26	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
27	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
28	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
29	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
30	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
31	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
32	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
33	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
34	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
35	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
36	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
37	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
38	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
39	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
40	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
41	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
42	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
43	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
44	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
45	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
46	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
47	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
48	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
49	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
50	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
51	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
52	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
53	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
54	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
55	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
56	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Một phần	
IV Lĩnh vực Nội vụ					
1	1.001257	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
2	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
3	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
4	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
5	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
6	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
7	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
8	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
9	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
10	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
11	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
12	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
13	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
14	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
15	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
16	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
17	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
18	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
19	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
20	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
21	2.001157	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
22	2.002308	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
23	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	Toàn trình	
24	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
25	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
26	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
27	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quản lý	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
28	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
29	1.013743	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
30	1.013749	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
31	2.001396	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
32	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công (Bộ Nội vụ)	Một phần	
33	1.013702	Công nhận ban vận động thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
34	1.013703	Thành lập hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
35	1.013704	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
36	1.013706	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
37	1.013707	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
38	1.013708	Hội tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
39	1.013709	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
40	1.013710	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
41	1.013711	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
42	1.013712	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
43	1.013713	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
44	1.013714	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
45	1.013715	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
46	1.013716	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
47	1.013717	Quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	Một phần	
48	1.014149	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
49	1.014150	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	Một phần	
50	1.013724	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
51	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	Việc làm (Bộ Nội vụ)	Một phần	
52	1.014111	Thi tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
53	1.012299	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
54	1.012301	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
55	1.012300	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
56	1.014116	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
57	1.014113	Xét tuyển công chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	Không cung cấp	
V	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường				
1	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
2	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
3	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
4	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
5	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
6	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
7	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
8	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
9	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
10	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
11	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
12	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
13	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
14	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
15	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	Quyết định số 3907/QĐ-BNNMT ngày 23/9/2025
16	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Toàn trình	
17	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
18	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
19	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
20	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
21	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
22	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
23	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
24	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
25	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
26	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
27	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
28	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
29	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
30	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
31	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
32	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và sổ liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
33	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
34	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
35	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
36	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
37	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thừa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
38	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
39	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
40	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
41	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
42	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
43	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
44	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
45	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
46	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
47	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
48	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
49	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
50	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
51	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
52	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
53	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
54	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
55	1.011995	Lựa chọn, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ của cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
56	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
57	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Một phần	
VI	Lĩnh vực Tài chính				
1	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
2	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
3	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
4	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
5	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
6	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
7	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
8	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
9	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
10	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
11	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
12	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
13	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
14	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
15	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
16	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
17	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
18	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
19	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
20	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
21	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	Toàn trình	
22	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Một phần	
22	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Một phần	
22	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	Một phần	

[illegible]

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
5	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	Một phần	
6	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	Không cung cấp	
7	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	Không cung cấp	
VIII Lĩnh vực Tư Pháp					
1	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Bảo trợ xã hội - Người có công (Văn phòng Chính phủ)	Toàn trình	
2	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sở - thẻ (Văn phòng Chính phủ)	Toàn trình	
3	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
4	1.000110	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
5	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
6	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
7	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
8	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
9	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
10	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
11	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
12	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
13	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
14	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
15	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
16	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
17	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
18	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
19	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
20	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
21	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
22	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
23	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
24	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
25	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
26	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
27	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
28	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
29	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
30	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
31	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
32	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
33	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
34	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
35	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
36	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
37	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
38	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
39	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	Toàn trình	
40	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	Một phần	
41	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
42	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
43	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
44	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
45	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
46	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
47	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
48	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
49	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
50	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
51	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
52	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
53	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	Một phần	
54	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
55	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
56	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
57	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
58	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
59	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
60	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
61	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
62	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
63	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
64	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
65	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	Một phần	
66	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Một phần	
67	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	Một phần	
IX	Lĩnh vực Văn hoá, Thể thao và Du lịch				

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
1	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
2	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
3	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
4	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
5	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
6	1.013795	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
7	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	
8	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
9	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
10	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
11	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Một phần	
X	Lĩnh vực Xây dựng				
1	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
2	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
3	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
4	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
5	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
6	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
7	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
8	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
9	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
10	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
11	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
12	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	
13	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
14	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	Một phần	
15	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
16	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
17	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
18	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
19	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
20	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
21	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
22	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
23	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
24	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
25	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
26	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
27	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
28	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
29	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	Một phần	
30	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
31	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
32	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
33	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
34	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
35	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	Một phần	
36	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	Một phần	
37	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
38	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
39	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
40	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
41	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	Một phần	
XI	Lĩnh vực Y tế				
1	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Toàn trình	
2	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
3	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
4	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
5	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
6	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
7	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em (Bộ Y tế)	Toàn trình	
8	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	Một phần	
9	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
10	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
11	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
12	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
13	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
14	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
15	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
16	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
17	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
18	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
19	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
20	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
21	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
22	1.010941	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
23	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	Một phần	
24	1.014331	Cấp Giấy chứng sinh	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Không cung cấp	Thực hiện tại TTYT
25	1.014332	Cấp lại Giấy chứng sinh	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	Không cung cấp	Thực hiện tại TTYT
XII Lĩnh vực khác					
1	1.012537	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách (Bộ Công an)	Một phần	
2	1.012538	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	Chính sách (Bộ Công an)	Một phần	
3	1.013142	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
4	1.013143	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
5	1.013144	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
6	1.013145	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
7	1.013146	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
8	1.013147	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
9	1.013148	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mật quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
10	1.013149	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
11	1.013150	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
12	1.013151	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
13	1.013152	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
14	1.013155	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
15	1.013157	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
16	1.013159	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã tử trận)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
17	1.013160	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
18	1.013161	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
19	1.013163	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
20	1.013170	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp “Giấy chứng nhận” đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
21	1.013173	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
22	1.013181	Thủ tục tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận liệt sĩ đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	
23	1.013182	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương đề nghị công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	Một phần	

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ	Ghi chú
24	1.013313	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	Một phần	
25	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	Một phần	
26	3.000509	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	Một phần	
27	3.000510	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	Một phần	
28	1.013128	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	Một phần	